TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 29/11/2018
V/v: "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Đức Hơn**

2. Ông **Nguyễn Hữu Thành**

***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Ngọc Song Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Nguyệt H - sinh năm 1979. Có mặt.
Địa chỉ: Khu phố 3, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T - sinh năm 1974. Vắng mặt không lý do.
HKTT: Khu phố 3, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
Chỗ ở: Số 86 đường Hoàng Hoa Thám, khu phố 1, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện chia tài sản chung ngày 30.7.2018 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, chị Trần Thị Nguyệt H – nguyên đơn trình bày:

Chị Trần Thị Nguyệt H và anh Nguyễn Trọng T chung sống có đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L (cũ), nay là phường Phước Hội, thị xã L. Do sống chung chị và anh T xảy ra mâu thuẫn, nên đã ly hôn vào ngày

16.4.2018. Theo Quyết định chị H trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung: Nguyễn Trung T, sinh ngày 07.5.2001, Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 07.12.2002 và Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 24.11.2014; Anh T cấp dưỡng nuôi 03 con chung với mức mỗi con 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung chị H và anh T tự giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh T tạo lập tài sản chung gồm: 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 79,1 m^2. Căn nhà nằm trên diện tích đất 83 m^2 tại khu phố 3, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn nhà và diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu về nhà ở do chị H, anh T cùng đứng tên và hiện anh T đang giữ bản chính. Hiện nay chị H và 03 con chung đang ở trong căn nhà này.

Chị H yêu cầu phân chia tài sản chung là căn nhà và diện tích đất, nhưng chị H có nguyện vọng được sở hữu và sử dụng nhà, đất; Chị H thanh toán 1/2 giá trị tài sản chênh lệch bằng tiền cho anh T.

Về nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên ý kiến.

Theo lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, anh Nguyễn Trọng T – bị đơn trình bày:

Anh T thừa nhận giữa anh và chị H đã ly hôn vào năm 2018, khi ly hôn chị H là người nuôi 03 con chung, anh cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Anh T thừa nhận về tài sản chung có 01 căn nhà xây cấp 4 gắn liền diện tích đất 83 m^2 tại khu phố 3, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, hiện nay chị H và 03 con đang ở. Anh T không đồng ý chia tài sản mà để tài sản nhà, đất sau này cho 03 đứa con và chị H cứ ở trong căn nhà này nuôi con. Nếu giao tài sản cho chị H, thì H sẽ bán nhà, các con không có chỗ ở, anh T thừa nhận anh đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu về nhà ở và yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt không lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phân chia tài sản chung: Chia cho chị H được quyền sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất, chị H thanh toán 1/2 giá trị tài sản cho anh T.

- Về án phí: Chị H và anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản và chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu chia tài sản của chị Trần Thị Nguyệt H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Trọng T đến lần thứ hai, nhưng anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tài sản: Xét yêu cầu chia tài sản của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào biên bản thẩm định tài sản và biên bản định giá ngày 26.10.2018, tài sản chung của chị H và anh T gồm có: 01 căn nhà xây cấp 4A có diện tích 69,2 m^2 trong đó nhà trước có diện tích 5,4 m x 7,50m = 40,5 m^2, nhà sau có diện tích 7m x 4,1m = 28,7 m^2. Căn nhà có kết cấu: móng trộn bê tông cốt thép, tấm đan bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn pirôximăng, nền lát gạch men ceramice, khu vệ sinh và nhà bếp hoàn chỉnh, cửa gỗ, sơn nước, năm xây dựng 2013, tọa lạc tại khu phố 3, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, trị giá căn nhà 197.220.000 đồng; Căn nhà nằm trên diện tích đất 83 m^2, thuộc thửa đất số 309, tờ bản đồ số 23, mục đích sử dụng là đất ở tại đô thị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 463772 do UBND thị xã L cấp ngày 06.02.2014 chị H và anh T cùng đứng tên. Theo giấy chứng nhận thì căn nhà xây có diện tích 79,1 m^2, nhưng thực tế đo đạc là 69,2 m^2. Diện tích đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp nhà và đất bà N, phía Tây giáp đường hẽm ngang 2,5m, phía Nam giáp đường hẻm ngang 1,5m, phía Bắc giáp nhà bà Q, trị giá diện tích đất 166.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản nhà và đất là 363.220.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T có tài sản chung là căn nhà xây cấp 4A 69,2 m^2 gắn liền diện tích đất 83 m^2 tọa lạc tại khu phố 3, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 463772 do UBND thị xã La Gi cấp ngày 06.02.2014 chị H và anh T cùng đứng tên. Năm 2014 là thời kỳ thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định "Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra... trong thời kỳ hôn nhân", nên căn nhà và diện tích đất trên là tài sản chung của chị H và anh T. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị H có nguyện vọng được sở hữu căn nhà và sử dụng diện tích đất do hiện nay chị và 03 con chung đang ở trong căn nhà này, phần tài sản chênh lệch chị H thanh toán 1/2 giá trị tài sản cho anh Nguyễn Trọng T. Xét thấy, yêu cầu chia tài sản của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận, chia cho chị Trần Thị Nguyệt H được quyền sở hữu 01 căn nhà xây 4A có diện tích 69,2 m^2, tọa lạc tại khu phố 3, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, trị giá căn

nhà 197.220.000 đồng và được quyền sử dụng diện tích đất 83 m^2, thuộc thửa đất số 309, tờ bản đồ số 23, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 463772 do UBND thị xã L cấp ngày 06.02.2014 chị H và anh T cùng đứng tên, trị giá diện tích đất 166.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản nhà và đất là 363.220.000 đồng. Chị Trần Thị Nguyệt H phải thanh toán 1/2 giá trị tài sản chênh lệch cho anh Nguyễn Trọng T số tiền 181.610.000 đồng.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Nguyệt H và anh Nguyễn Trọng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, 165; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1, 2 Điều 27, Điều 95, 97 và Điều 98 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản chung của chị Trần Thị Nguyệt H:

Chia cho chị Trần Thị Nguyệt H: được quyền sở hữu 01 căn nhà xây 4A có diện tích 69,2 m^2 trong đó nhà trước có diện tích 5,4 m x 7,5m = 40,5 m^2, nhà sau có diện tích 7m x 4,1m = 28,7 m^2. Căn nhà có kết cấu: móng trộn bê tông cốt thép, tấm đan bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn pirô xi măng, nền lát gạch men ceramice, khu vệ sinh và nhà bếp hoàn chỉnh, cửa gỗ, sơn nước, tọa lạc tại khu phố 3, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, trị giá căn nhà 197.220.000 đồng và được quyền sử dụng diện tích đất 83 m^2, thuộc thửa đất số 309, tờ bản đồ số 23, mục đích sử dụng là đất ở tại đô thị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 463772 do UBND thị xã L cấp ngày 06.02.2014 chị H và anh T cùng đứng tên. Diện tích đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp nhà và đất bà N, phía Tây giáp đường hẽm ngang 2,5m, phía Nam giáp đường hẻm ngang 1,5m, phía Bắc giáp nhà bà Q, trị giá diện tích đất 166.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản nhà và đất là 363.220.000 đồng.

Buộc chị Trần Thị Nguyệt H phải thanh toán 1/2 giá trị tài sản chênh lệch

cho anh Nguyễn Trọng T số tiền 181.610.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Trọng T phải giao cho chị Trần Thị Nguyệt H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 463772 do UBND thị xã L cấp ngày 06.02.2014 do chị Trần Thị Nguyệt H và anh Nguyễn Trọng T cùng đứng tên, để thực hiện sang tên theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị Nguyệt H phải chịu 9.080.500 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản. Nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai số 0021893 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Chị Trần Thị Nguyệt H còn phải nộp 4.080.500 đồng.

Anh Nguyễn Trọng T phải chịu 9.080.500 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản.

3. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản:

Chị Trần Thị Nguyệt H và anh Nguyễn Trọng T mỗi người phải chịu 700.000 đồng chi phí thẩm định và định giá tài sản. Nhưng chị H đã thanh toán cho hội đồng đủ số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 1.400.000 đồng, buộc anh Nguyễn Trọng T phải hoàn trả cho chị H số tiền 700.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/11/2018). Riêng anh Nguyễn Trọng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA